

TỪ VỤ ÁP PHE THƯƠNG MẠI CỦA THƯƠNG ĐIỂM ANH ĐẾN CHÍNH SÁCH CẤM NGƯỜI ĐÀNG TRONG XUẤT DƯƠNG CỦA TRIỀU ĐÌNH LÊ-TRỊNH NĂM 1693

HOÀNG ANH TUẤN*

Mậu dịch của Công ty Đông Ấn Anh ở Đàng Ngoài trước năm 1693

Từ cuối thập niên 1660, Công ty Đông Ấn Anh tổ chức triển khai “chiến lược Đông Á” nhằm thiết lập một hệ thống các thương điểm kết nối một số trung tâm thương mại quan trọng như Xiêm, Cao Miên, Đàng Ngoài, Đài Loan và Nhật Bản (1). Trong quá trình thực hiện chiến lược đó, mùa hè năm 1672, thương đoàn Anh do giám đốc William Gyfford dẫn đầu đến Đàng Ngoài và được phép định cư buôn bán ở Phố Hiến. Tuy nhiên, thất bại của Công ty trong việc tái thâm nhập Nhật Bản trong năm 1673 và cuộc chiến tranh Anh-Hà Lan lần thứ hai (1672-1674) đã khiến cho thương điểm Anh ở Đàng Ngoài bị cô lập trong suốt thời kỳ 1672-1676. Mặc dù vậy, Ban Giám đốc Công ty ở Luân Đôn vẫn quyết định duy trì thương điểm ở Đàng Ngoài nhằm cung cấp hàng hóa Đàng Ngoài (lụa tấm, đồ sơn...) cho thị trường châu Âu, tiêu thụ sản phẩm vải dạ Anh, đồng thời hi vọng sử dụng Đàng Ngoài làm bàn đạp thâm nhập thị trường lục địa Trung Quốc (2). Từ năm 1676 đến cuối thập niên 1680, các thương

điểm Anh ở Bantam và Ấn Độ xoay sở để duy trì việc phải thương thuyền sang Đàng Ngoài nhằm trao đổi các sản phẩm vải dạ Anh lấy các thương phẩm Đàng Ngoài. nỗ lực hoạt động này không thu được thành công như mong đợi do sự thất thường trong giao dịch cũng như khung lợi nhuận thấp, thêm vào đó là những mâu thuẫn nội bộ không chỉ giữa nhân viên thương điểm Anh ở Kẻ Chợ mà còn giữa Ban Giám đốc ở Luân Đôn với các giám đốc thương điểm ở Pháo đài St. George (Madras, Ấn Độ) (3).

Cân nhắc sự quản lý yếu kém của thương điểm Kẻ Chợ cũng như nền mậu dịch ngày càng sa sút với Đàng Ngoài, Hội đồng giám đốc của Pháo đài St. George chủ trương phế truất giám đốc William Keeling. Tuy nhiên, Ban Giám đốc ở Luân Đôn lại phản đối kịch liệt kế hoạch trên. Trong chỉ thị gửi Pháo đài St. George đề ngày 9-6-1686, Ban Giám đốc nhấn mạnh: *“đĩ nhiên là các thương điểm vùng Nam Hải đã và sẽ tiếp tục nằm dưới sự điều hành của Pháo đài St. George, tuy nhiên chúng tôi tuyệt đối cấm Pháo đài St. George phế truất ông Keeling ở Đàng Ngoài bởi ông*

* TS. Khoa Lịch sử, Trường Đại học KHXH&NV- ĐHQGHN

ta đã sống ở đó gần hai chục năm nay mà chúng tôi chưa bao giờ nghỉ ngơi lòng trung thành của ông ta cả" (4). Trong cách nhìn của Ban Giám đốc, trong số những trạm buôn bán còn lại ở vùng Đông Á, thương điểm Đàng Ngoài vẫn còn đáng để duy trì, nhất là khi Công ty đang chịu sự thua lỗ ngày càng trầm trọng của thương điểm Đàng Loạn và tình trạng nợ đọng chồng chất của thương điểm Ayutthaya (Xiêm) (5). Trên tinh thần đó, trong chỉ thị gửi thương điểm Đàng Ngoài tháng 11 năm 1687, Ban Giám đốc ở Luân Đôn vẫn hoàn toàn ủng hộ viên giám đốc thương điểm Kẻ Chợ William Keeling, thậm chí còn chấp nhận đề nghị của Keeling về việc chi tiền xây dựng một tòa nhà mới trong khuôn viên thương điểm Anh ở Kẻ Chợ: "*Công ty đồng ý cho thương điểm Kẻ Chợ triển khai kế hoạch xây dựng khu nhà mới để thuận tiện cho sinh hoạt, chứa hàng và hoạt động kinh doanh tại Đàng Ngoài. [Về chi phí xây dựng] các giám đốc không giới hạn quá chặt chẽ, chừng nào thương điểm tính toán rằng điều đó là cần thiết và có lợi cho hoạt động kinh doanh lâu dài của Công ty ở xứ đó*" (6). Rõ ràng là, vào cuối thập niên 1680, Ban Giám đốc ở Luân Đôn vẫn duy trì một cái nhìn tích cực về triển vọng của nền thương mại với Đàng Ngoài.

Tuy nhiên, hi vọng của Ban Giám đốc về nền mậu dịch với Đàng Ngoài nhanh chóng suy giảm. Chuyển hàng nghèo nàn thương điểm Kẻ Chợ gửi về Luân Đôn mùa Đông năm 1689/1690 làm tan biến những kỳ vọng lớn lao của Ban Giám đốc. Nghiên cứu kỹ lưỡng tình trạng đình đốn của nền mậu dịch với Đàng Ngoài, tháng 5 năm 1690, Ban Giám đốc khuyến cáo nhân viên thương điểm Kẻ Chợ rằng họ nên "*tiết kiệm một cách tuyệt đối trong chi tiêu, nhất là trong thời điểm khó khăn hiện nay [...] rằng*

một nền mậu dịch nhỏ thì không thể gánh chịu những chi phí quá cao" (7). Do tình hình khó khăn hiện nay ở nước Anh cũng như sự bao vây của Pháp ở vùng eo biển, Ban Giám đốc đã nhiều lần phải trì hoãn việc phái tàu sang phương Đông. Luân Đôn cũng thông báo cho Pháo đài St. George rằng Công ty sẽ không thể gửi tàu sang Đàng Ngoài trong hai năm 1690 và 1691, đồng thời đề nghị Pháo đài St. George chú ý quản lý thương điểm Kẻ Chợ bằng cách cắt cử một tàu hoạt động giữa sườn đông lục địa Ấn Độ và Đàng Ngoài.

Cũng từ thời điểm này về sau, Ban Giám đốc ở Luân Đôn trở nên lo lắng về tình trạng thâm hụt tài chính của thương điểm Kẻ Chợ, nhất là khi Công ty vừa chịu thua lỗ lớn ở thương điểm Ayutthaya (Xiêm) trong thập niên 1680 (8). Tháng 2 năm 1692, sau khi đã nghiên cứu cẩn thận sổ sách kinh doanh của thương điểm Kẻ Chợ và tình hình khó khăn hiện tại của nước Anh trong cuộc chiến Anh-Pháp, Ban Giám đốc ở Luân Đôn trả lời báo cáo của nhân viên ở Đàng Ngoài bằng một giọng khá gay gắt:

"Các Giám đốc nghiên cứu sổ sách kinh doanh và phát hiện ra rằng hiện tại Công ty vẫn còn một số vốn khá lớn, không dưới 30.000 sterling, đang tồn đọng ở Đàng Ngoài. [...] Công ty chẳng còn động lực nào để tiếp tục phái tàu sang Đàng Ngoài nữa cho đến khi đã nhận đủ những vốn đầu tư hiện vẫn còn ứ đọng ở Kẻ Chợ [...]. Việc Công ty không phái tàu trực tiếp từ Anh sang Đàng Ngoài là do chi phí vận chuyển đắt đỏ, cao hơn 50% so với trước đây, kèm theo rủi ro trong bối cảnh chiến tranh hiện nay, cũng như tình trạng sụt giảm giá bán của các sản phẩm tơ, lụa, xạ hương đưa từ Đàng Ngoài về so với thời gian trước chiến tranh với người Pháp" (9).

Nhằm thanh tra tình hình kinh doanh của thương điểm Kê Chợ, Ban Giám đốc đồng thời quyết định cất cử một nhân viên giàu kinh nghiệm từ Hội đồng của Pháo đài St. George sang thanh tra và làm giám đốc thương điểm Kê Chợ. Bản chỉ thị của Luân Đôn yêu cầu nhân viên thương điểm Kê Chợ phải tuyệt đối tuân thủ sự điều hành và cung cấp toàn bộ tài liệu kinh doanh của thương điểm cho viên thanh tra - người được ủy nhiệm thay mặt cho Ban Giám đốc toàn quyền hành động. Ban Giám đốc còn ban thêm cho viên thanh tra quyền được bổ nhiệm hoặc bãi nhiệm các vị trí trong Hội đồng điều hành của thương điểm Kê Chợ nếu ông ta thấy điều đó là thiết thực và có lợi cho Công ty (10).

Trên cơ sở bản chỉ thị của Luân Đôn, mùa hè năm 1693, Hội đồng Pháo đài St. George đã phái Richard Watts sang thanh tra thương điểm Kê Chợ - nơi ông phát hiện hàng loạt sai phạm trong việc điều hành kinh doanh của các nhân viên, nhất là vụ áp phe thương mại hết sức nghiêm trọng của giám đốc thương điểm William Keeling và đồng sự. Sự bê bối của thương điểm Kê Chợ không chỉ dẫn đến quyết định bãi bỏ thương điểm duy nhất của Anh ở miền Bắc Đại Việt, mà còn đưa đến lệnh "cấm biển", hay cụ thể hơn là sắc lệnh cấm người Đàng Ngoài xuất dương, của triều đình Lê-Trịnh vào mùa Đông năm 1693.

Vụ áp phe thương mại của thương điểm Anh tại Kê Chợ năm 1693

Như đã đề cập, mùa hè năm 1693, Hội đồng Pháo đài St. George ở Madras (Ấn Độ) quyết định cử Richard Watts đi trên tàu *Pearl* sang Đàng Ngoài để thanh tra, đồng thời tiếp quản vị trí giám đốc thương điểm Kê Chợ - vốn đã rất "hỗn độn" từ nhiều năm qua. Khi tàu *Pearl* dừng ở Achin vào cuối tháng 5, Richard Watts lập tức phát

hiện ra chiếc thuyền mảnh do giám đốc thương điểm Anh ở Kê Chợ là William Keeling phái đi buôn bán. Trước khi đến Achin, chiếc thuyền trên đã đến bán hàng ở Xiêm và một số hải cảng Đông Nam Á khác. Hoảng sợ vì cuộc chạm trán bất ngờ với tàu *Pearl*, William Sams - một thành viên của thương điểm Đàng Ngoài và là người cầm đầu chuyến đi của chiếc thuyền mảnh - tìm cách chạy trốn. Sau khi đã từ chối giao nộp số hàng hóa trị giá khoảng 1.000 rial of eight (11) buôn bán bằng tiền công của thương điểm, Sams cho thuyền lạng lẽ rời Achin đi Malacca trong bóng đêm (12).

Những lời cung khai của Lamuel Blackmore, phó giám đốc thương điểm Kê Chợ và là một trong những thành viên chỉ huy chuyến buôn của chiếc thuyền mảnh, cung cấp cho viên thanh tra Richard Watts những thông tin quan trọng về nội tình của vụ áp phe. Theo đó, chiếc thuyền mảnh nói trên là tài sản chung của giám đốc William Keeling, phó giám đốc Lamuel Blackmore và thương nhân William Sams. Trong chuyến đi năm trước đến các thương cảng Đông Nam Á giám đốc Keeling sở hữu 1/2 cổ phần, Sams và Blackmore mỗi người sở hữu 1/4. Trước khi thực hiện chuyến đi năm nay (1693), giám đốc Keeling thông báo cho Blackmore rằng ông ta đã bán toàn bộ cổ phần cho Sams. Tuy nhiên, Blackmore tin rằng đó chỉ là âm mưu của Keeling nhằm tăng quyền điều hành chuyến đi cho Sams. Trái với lời cung khai của Blackmore, Sams phủ nhận việc chung vốn, quả quyết rằng chiếc thuyền mảnh và vốn kinh doanh là của một vị quan lớn cùng với vài quý bà người Đàng Ngoài. Về thủy thủ đoàn, ngoài hai người Anh là Sams và Blackmore, còn có tổng cộng 20 người Đàng Ngoài và Trung Quốc. Blackmore cung khai rằng tổng số vốn đầu

tư cho chuyến buôn lần này trị giá khoảng 5.259 lạng bạc, trong đó cổ phần của ông vào khoảng 1.000 rial of eight. Tuy nhiên, ông lại không biết cụ thể danh mục hàng hóa trên thuyền bởi giám đốc Keeling và Sams không bao giờ tiết lộ cho ông (13).

Nhằm đuổi kịp chiếc thuyền mảnh của Sams tại Malacca, thanh tra Watts và Hội đồng cố vấn tàu *Pearl* dự định cho ông Blackmore - người bị Sams bỏ rơi ở Achin - dùng một chiếc thuyền nhỏ để đến Malacca trước. Tại Malacca, Blackmore sẽ nỗ lực thuyết phục vị quan trông cảng để giữ chiếc thuyền mảnh của Sams chờ tàu *Pearl* đến. Tuy nhiên, kế hoạch này ngay lập tức bị hủy bỏ vì một số cân nhắc sau đây. *Thứ nhất*, nếu bắt giữ chiếc thuyền mảnh của Sams, thủy thủ trên tàu *Pearl* cũng khó có thể điều khiển nó về Đàng Ngoài bởi họ không quen với loại thuyền đó. *Thứ hai*, do có rất nhiều thủy thủ trên chiếc thuyền mảnh là người Đàng Ngoài, bất kỳ hành động mang tính vũ lực nào với họ cũng trở thành cái cớ để triều đình Lê-Trịnh trừng phạt thương điểm của Công ty ở Kẻ Chợ. *Thứ ba*, số lượng vàng và hàng hóa của Blackmore góp vào chiếc thuyền mảnh không lớn đến mức phải nhờ đến vị quan ở cảng Malacca can thiệp (14).

Giữa tháng 7, tàu *Pearl* và chiếc thuyền mảnh của Sams lại gặp nhau ở Malacca. Sau khi không thể ép Sams song hành về Đàng Ngoài, tàu *Pearl* rời Malacca đi Đàng Ngoài vào cuối tháng. Ngay lập tức, thuyền của Sams cũng khởi hành và chỉ vài ngày sau - nhờ kích thước nhỏ gọn-đã vượt lên trước tàu *Pearl*. Đến ngày 16 tháng 8, phát hiện một chấm đen ở vùng chân trời và cho rằng tàu chuẩn bị đi vào vùng biển Đàng Trong, hạm đội tàu *Pearl* chuẩn bị vũ khí sẵn sàng tự vệ. Không lâu sau họ phát hiện ra chấm đen đó chính là chiếc thuyền

mảnh của Sams. Từ 6 ngày nay chiếc thuyền bị rò rỉ nặng nên thủy thủ đoàn phải buông neo ở ngoài khơi bờ biển Đàng Trong. Quan ngại rằng chiếc thuyền bị hư hại nặng sẽ bị đắm trong khi mùa bão lại đang đến ở vùng biển Đàng Trong, thanh tra Richard Watts và Hội đồng hạm đội ra quyết nghị yêu cầu Sams chuyển toàn bộ tài sản lên tàu *Pearl*. Sáng ngày 20 tháng 8, trong khi hai bên đang tranh luận nảy lửa thì chiếc thuyền mảnh của Sams và Blackmore bất ngờ bị một luồng hải lưu mạnh cuốn về phía nam. Vì vậy, tàu *Pearl* đành tiếp tục hành trình về Đàng Ngoài, không hay biết gì về số phận chiếc thuyền mảnh của Sams và Blackmore (15).

Đến Đàng Ngoài vào đầu tháng 9, thanh tra Richard Watts và cộng sự ngay lập tức bị cả quan lại địa phương và giám đốc thương điểm William Keeling thử thách. Nghe tin tàu *Pearl* đến, giám đốc Keeling cho chuyển toàn bộ tiền bạc và tài sản đến cất giấu ở nhà nhân tình người Việt. Keeling công khai phản đối vị giám đốc mới Watts, nghi ngờ tính pháp lý của công văn bổ nhiệm giám đốc mới mà Luân Đôn chuyển sang Pháo đài St. George. Trong quá trình thanh tra hoạt động kinh doanh của thương điểm Kẻ Chợ, Watts phát hiện rất nhiều sai phạm trong quản lý và chi tiêu của ban giám đốc thương điểm. Tài sản của thương điểm gần như trống rỗng, chỉ còn một vài thùng sắt và ván gỗ. Sổ sách kinh doanh ghi chép lộn xộn, đầy lỗi; các mục mua và bán chỉ mới được cập nhật cho đến năm 1688, 5 năm trở lại đây chưa được tính toán. Keeling từ chối chu cấp tiền ăn và lương cho thủy thủ tàu *Pearl*, nói rằng thương điểm đã hết tiền. Ngoài ra, để trốn tránh nguy cơ bị triệu hồi về Anh xét xử, Keeling cùng với nhân tình người Việt lo hối lộ các quan để được phép định cư ở

Đàng Ngoài. Điều này đặt vị tân giám đốc Watts vào tình thế tiến thoái lưỡng nan: nếu cương quyết bắt Keeling theo tàu *Pearl* về Pháo đài St. George, thương điểm Kẻ Chợ sẽ không bao giờ thu hồi lại được những tài sản mà ông ta đã tẩu tán. Ngoài ra, Keeling cũng dọa rằng nếu ông ta đã đi khỏi Đàng Ngoài, chiếc thuyền mảnh cùng với Sams và Blackmore sẽ chẳng bao giờ quay lại (16).

Trong khi những khó khăn và mâu thuẫn nội bộ trong thương điểm chưa được giải quyết thì ngày 12-12-1693, Sams, Blackmore và một số thủy thủ người Đàng Ngoài về đến Kẻ Chợ, sau khi bị chính quyền Đàng Trong cầm tù và tra tấn suốt gần 3 tháng trời. Theo lời cung khai của Sams và Blackmore, nhận thấy không còn cơ hội để cứu vãn chiếc thuyền mảnh đã bị rò rỉ rất nặng, vào trung tuần tháng 9, bọn họ (tất cả gồm 10 người) quyết định bỏ lại chiếc thuyền mảnh để đổ bộ lên bờ biển xứ Đàng Trong. Ngay sau khi đặt chân lên bờ, cả nhóm bị quan lại địa phương bắt giữ và giải về Huế để giam giữ và lấy cung; tiền và hàng mang lên bờ đều bị tịch thu. Sau gần 3 tháng bị giam cầm và tra khảo, cuối cùng họ được chính quyền Đàng Trong phóng thích để trở lại Kẻ Chợ (17).

Sams và Blackmore quả quyết rằng chiếc thuyền mảnh chắc chắn đã chìm ngay sau khi họ lên bờ. Tuy nhiên, một năm sau đó (tháng 11-1694) một viên thương nhân người Phúc Kiến sang Đàng Ngoài buôn bán lại cung cấp một kết cục hoàn toàn khác về số phận của chiếc thuyền mảnh. Theo lời của viên Hoa thương, sau khi Sams, Blackmore và một số người Đàng Ngoài rời bỏ chiếc thuyền, đám thủy thủ còn lại gồm 16 người (cả người Hoa và người Đàng Ngoài) xoay sở đi về phía Bắc và cuối cùng cũng đến được đảo Hải Nam.

Khi vị quan cai trị đảo Hải Nam yêu cầu khai báo và nộp quà biếu, những kẻ sống sót đã thành khẩn khai báo hoàn cảnh bị đất của mình, đồng thời xin vị quan cho phép bán số hàng sót lại để sửa chữa chiếc thuyền (18).

Nhật ký thương điểm Kẻ Chợ không thể đưa ra được kết luận cuối cùng về số phận của chiếc thuyền mảnh nói trên. Trước khi có lời cung khai của viên Hoa thương người Phúc Kiến, Sams và Blackmore đã làm cho người ta tin rằng chiếc thuyền mảnh đã bị đắm ngoài khơi bờ biển xứ Đàng Trong bởi tình trạng rò rỉ thảm hại trong khi gió nổi đã hết nên không thể đi về hướng Bắc (Đàng Ngoài hoặc Trung Quốc). Nay có tình tiết mới từ viên thương nhân Phúc Kiến, nhân viên thương điểm Kẻ Chợ mới lật lại các lời khai của Sams và Blackmore. Thực ra, từ tháng 12-1693, một số thủy thủ Đàng Ngoài sống sót trở về từng nói rằng chiếc thuyền mảnh không bị rò rỉ đến mức phải từ bỏ, rằng việc bỏ tàu là mưu đồ của Sams và Blackmore. Do không thể lấy thêm lời khai từ Keeling và Sams, giám đốc Watts và Hội đồng thương điểm Kẻ Chợ đành để việc điều tra cho Công ty (19). Những tài liệu của Công ty còn đến hiện nay cũng không phản ánh được gì thêm về kết cục thực sự của chiếc thuyền mảnh. Tuy vậy, có ít nhất một sự thực: phản ứng mạnh mẽ từ triều đình Lê-Trịnh dẫn đến lệnh cấm người Việt xuất dương, lệnh kiểm soát gát gao thuyền buôn ngoại quốc và nghiêm trọng hơn là hồi kết cho một thời kỳ ngoại thương cởi mở của vương quốc Đàng Ngoài.

Phản ứng của triều đình Lê-Trịnh: cấm người Đàng Ngoài xuất dương

Phản ứng giận dữ của Phủ Chúa và triều đình Lê-Trịnh nói chung về vụ áp phe thương mại của thương điểm Anh là hoàn toàn tự nhiên, nhất là xét đến việc thủy

thủ Đàng Ngoài bị chính quyền Đàng Trong tra tấn và giam cầm, trong khi một số khác có thể đang lưu lạc ở miền nam Trung Quốc. Sau khi về đến Kẻ Chợ ngày 12-12-1693, Sams và Blackmore lập tức bị triệu hồi đến công đường để cung khai. Bên cạnh nghĩa vụ khai báo về chuyến đi định mệnh, hai người còn bị tra hỏi về tình hình hiện tại của xứ Đàng Trong. Ngoài ra, họ cũng phải thân chinh đi đến trình diện và cung khai trước quan trấn thủ Phố Hiến. Quan trấn thủ còn dò hỏi giám đốc Watts liệu thương điểm có thanh toán khoản tiền lương cho những thủy thủ Đàng Ngoài đã làm thuê trên chiếc thuyền mảnh hay không. Watts thẳng thừng từ chối trách nhiệm bởi đó hoàn toàn là hoạt động tư nhân và trái luật của Công ty.

Hơn mười ngày sau khi những kẻ sống sót về đến Kẻ Chợ, Phủ Chúa ra lệnh chỉ nghiêm cấm người Đàng Ngoài xuất dương, chỉ thị cho các tàu buôn ngoại quốc từ nay về sau không được vận chuyển người địa phương ra khỏi vương quốc. Nhật ký của thương điểm Anh tại Kẻ Chợ ngày 24-12-1693 ghi rất rõ sự kiện trên:

"Sáng nay, nha môn đem chiếu chỉ của Chúa [Trịnh Căn] đến cho cả người Hà Lan và người Anh chúng ta. Mục đích của tờ chiếu là ban bố lệnh từ nay về sau chúng ta không được phép chuyên chở thường dân Đàng Ngoài ra khỏi vương quốc, đồng thời tất cả tàu buôn sẽ bị lục soát kỹ lưỡng trước khi nhổ neo rời Đàng Ngoài. Điều này chắc chắn sẽ gây cho chúng ta vô vàn khó khăn và tổn kém" (20).

Đúng như viên thư ký thương điểm Anh đã dự đoán, lệnh chỉ của triều đình Đàng Ngoài đã thực sự thử thách cả người Anh và người Hà Lan ở Kẻ Chợ. Trong những tháng nối tiếp lệnh cấm của triều đình Lê-Trịnh, thương thuyền ngoại quốc không thể

nhỏ neo rời Đàng Ngoài cho đến khi viên quan được giao trọng trách giám sát đã cấp cho một chiếc thẻ môn bài (*chaup*) chứng thực tàu đã được lục soát mà không phát hiện ra hàng hóa cấm hay người địa phương trên boong. Khi người Anh chuẩn bị cho tàu *Pearl* nhổ neo đi Ấn Độ vào mùa đông năm 1694, họ gặp vô vàn khó khăn từ viên quan giám sát tàu và tàu *Pearl* chỉ có thể nhổ neo sau khi đã bị lục tung từ trên boong xuống dưới hầm tàu, đồng thời thủy thủ đoàn phải nộp một khoản quà biếu hậu hĩnh. Người Hà Lan cũng chịu chung số phận khi làm thủ tục cho tàu *Westbroek* rời Đàng Ngoài đi Batavia. Trong vài năm tiếp theo, những khó khăn từ lệnh "cấm biển" của triều đình Đàng Ngoài tiếp tục thử thách lòng kiên trì vốn đã ngày càng với cạn của người Anh và người Hà Lan (21).

Diễn tiến của các sự kiện liên quan đến vụ áp phe thương mại của thương điểm Anh gợi ra hai nghi vấn. *Thứ nhất*, người Anh có liên đới đến đâu trong sắc lệnh cấm người Đàng Ngoài xuất dương qua tàu buôn ngoại quốc của triều đình Lê-Trịnh. *Thứ hai*, người Hà Lan ở Kẻ Chợ có vô tình trở thành nạn nhân của chính sách "cấm biển" gây ra bởi người Anh? Nếu đơn thuần dựa vào diễn biến của vụ áp phe thương mại, người ta dễ dàng thừa nhận hai vấn đề trên. Tuy nhiên, diễn biến của mối quan hệ Hà Lan-Đàng Ngoài từ những năm đầu thập niên 1690 cho thấy người Hà Lan không đơn thuần "bị vạ lây". Sau khi nền mậu dịch "tơ lụa Đàng Ngoài đổi bạc Nhật Bản" bắt đầu chững lại sau năm 1654 và suy thoái mạnh trong suốt giai đoạn 1660-1680, quan hệ giữa thương điểm Hà Lan với triều đình ngày càng sa sút, mặc dù Toàn quyền Hà Lan ở Batavia không ngừng nỗ lực phục hồi vị trí thương mại của Công ty ở Đàng Ngoài (22).

Không chỉ nền mậu dịch mà ngay bản thân mối bang giao giữa Công ty Đông Ấn Hà Lan với triều đình Lê-Trịnh cũng ngày một xấu đi. Không hài lòng với những món quà biếu ngày càng ít giá trị, Chúa Trịnh Căn đơn phương chấm dứt lệ trao đổi thông thư hàng năm với Toàn quyền ở Batavia - một hành động mang biểu tượng ngoại giao thân thiện giữa Đàng Ngoài với Công ty Hà Lan trong hơn nửa thế kỷ trước đó. Mùa hè năm 1693 - trước khi xảy ra vụ áp phe của người Anh - mối quan hệ ngày càng căng thẳng giữa Chúa Trịnh Căn và người Hà Lan ở Kẻ Chợ lên đến đỉnh điểm khi Chúa cho tổng giám Jacob van Loo - giám đốc thương điểm Hà Lan - và viên thuyền trưởng tàu *Westbroek* chỉ vì Batavia không thể gửi sang Kẻ Chợ những món hàng trang sức bằng đá quý Chúa yêu cầu năm trước. Hai tù nhân Hà Lan chỉ được phóng thích sau khi thương điểm đã cam kết khi tàu đến Đàng Ngoài lần sau sẽ mang theo những món hàng Chúa yêu cầu. Sự bất mãn và những cư xử hà khắc của Chúa Trịnh Căn đối với người Hà Lan trong những năm tiếp theo khiến Toàn quyền và Hội đồng Đông Ấn ở Batavia thất vọng, dẫn đến quyết định đóng cửa thương điểm Kẻ Chợ và chấm dứt nền mậu dịch với Đàng Ngoài vào năm 1700 (23).

Mối quan hệ ngày càng căng thẳng giữa Phủ Chúa và thương điểm Hà Lan trước khi xảy ra vụ áp phe thương mại của thương điểm Anh năm 1693 cho thấy người Hà Lan không còn được hưởng các đặc quyền thương mại như những thập niên trước đó. Vì vậy, người Hà Lan không hoàn toàn là "nạn nhân" của vụ áp phe thương mại của thương điểm Anh. Vấn đề này trở nên logic hơn khi xét đến thái độ ngày càng lạnh nhạt của triều đình Lê-Trịnh đối với ngoại thương và thương nhân ngoại quốc

kể sau năm 1672. Cuộc xung đột Đàng Trong-Đàng Ngoài đi vào hưu chiến, nhu cầu vũ khí ngoại không còn quá cấp bách đối với họ Trịnh như trong những thập niên trước đó. Sẽ không quá khi nói rằng thái độ ngày càng thiếu thiện cảm của triều đình Lê-Trịnh đối với ngoại thương và thương nhân ngoại quốc đã góp phần đẩy người Hà Lan và người Anh ra khỏi Đàng Ngoài vào những năm cuối của thế kỷ XVII, mặc dù cả hai Công ty Đông Ấn Anh và Hà Lan vẫn cố gắng duy trì thương điểm ở Đàng Ngoài để buôn bán và duy trì hi vọng mong manh về khả năng sử dụng Đàng Ngoài làm bàn đạp thâm nhập thị trường miền nam Trung Quốc.

Vì vậy, vụ áp phe thương mại của thương điểm Anh ở Kẻ Chợ năm 1693 không phải là "nguyên nhân sâu xa" của việc triều đình Lê-Trịnh ban hành chính sách cấm người Việt xuất dương. Chính xác hơn, đó dường như là một "nguyên cớ hợp thời điểm" để Phủ Chúa quản lý chặt chẽ hơn hoạt động ngoại thương cũng như vấn đề người ngoại quốc ở Đàng Ngoài - vốn đã được nói lỏng một cách có chủ đích từ những thập niên đầu của thế kỷ XVII.

Mâu thuẫn nội bộ, thua lỗ và nợ nần chống chọi: những năm tháng khốn cùng của người Anh ở Kẻ Chợ, 1694-1697

Vụ áp phe thương mại của nhân viên thương điểm Anh ở Kẻ Chợ năm 1693 ảnh hưởng nghiêm trọng đến nền mậu dịch của Công ty Đông Ấn Anh với Đàng Ngoài. Về lý thuyết, việc triều đình Đàng Ngoài ban hành lệnh cấm biển sẽ gây khó khăn và thiệt hại nặng cho hoạt động kinh doanh của thương điểm Anh ở Kẻ Chợ. Trong thực tế, phần lớn những khó khăn và tổn thất của thương điểm Anh lại đến từ những vấn đề nội tại của thương điểm: mâu thuẫn nội

bộ dẫn đến sự thiệt hại lớn về tài sản, vay nợ với lãi suất cao và nghiêm trọng hơn là cuộc sống đầy tủi cực của nhân viên thương điểm trong khoảng bốn năm cuối ở Đàng Ngoài.

Sau khi kế nhiệm chức giám đốc thương điểm Kẻ Chợ từ William Keeling vào mùa thu năm 1693, tân giám đốc Richard Watts ngay lập tức đối mặt với hàng loạt những khó khăn và thử thách. Vấn đề nghiêm trọng nhất là tình trạng mâu thuẫn gay gắt trong nội bộ thương điểm mà đỉnh điểm là sự căng thẳng trong quan hệ giữa Keeling và Watts. Nghi ngờ tính hợp pháp về vị trí của Watts, Keeling và Sams không phục tùng, thậm chí từ chối hợp tác với vị tân giám đốc. Hai thương nhân kỳ cựu khác của thương điểm Anh là Lamuel Blackmore và Richard Warren - những người cũng đã làm việc tại Đàng Ngoài suốt nhiều năm - còn phao tin rằng Watts đã giả mạo giấy tờ để tiếm quyền giám đốc thương điểm Kẻ Chợ. Những lời đồn thổi nói trên khiến thương điểm Kẻ Chợ gặp vô vàn khó khăn trong giao dịch ở những năm sau đó. Chẳng hạn, mùa thu năm 1695, Chúa Trịnh Căn từ chối cho thương điểm Anh vay 6 triệu đồng tiền chính (tương đương 60.000 quan) để thương điểm chi tiêu cho đến khi tàu cứu trợ của Công ty sang Đàng Ngoài. Lý do cơ bản - theo lời của viên thông ngôn người Đàng Ngoài tên là Chubu - là do Chúa bị tác động bởi "những lời bóng gió đầy tai hại" mà Sams và Blackmore tung ra: Watts không phải là giám đốc hợp pháp bởi ông không phải do Ban Giám đốc ở Luân Đôn bổ nhiệm mà đơn thuần do Pháo đài St. George (Ấn Độ) chỉ định (24).

Đây chính là nguyên nhân khiến phần lớn cựu nhân viên thương điểm tẩy chay tân giám đốc Watts. Khi bị yêu cầu theo tàu *Pearl* về Pháo đài St. George, cựu giám

đốc Keeling và nhân tình người Việt tìm cách hối lộ các quan để xin Chúa cấp phép lưu trú ở Đàng Ngoài khi tàu *Pearl* khởi hành về Pháo đài St. George. Nhận thấy tính chất nghiêm trọng của vụ việc, quan lại Đàng Ngoài không dám giúp đỡ Keeling. Trước khi tàu *Pearl* nhổ neo rời Đàng Ngoài, Keeling thậm chí đã bị thương điểm bắt giam sau khi âm mưu chạy trốn của ông bị bại lộ. Tuy nhiên, người đồng mưu là Sams đã kịp thời trốn thoát trước khi tàu *Pearl* khởi hành và đến khi biết chắc tàu *Pearl* phải lưu trú ở Đàng Ngoài thêm một năm vì lỡ đợt gió bắc năm đó (1693/1694) Sams mới ngang nhiên xuất hiện trước thương điểm. Hai nhân viên này còn tiếp tục gây khó khăn cho thương điểm Anh đến khi Keeling bị buộc phải theo tàu *Pearl* về Pháo đài St. George vào tháng 1 năm 1695 (25). Trong hai năm tiếp theo, giám đốc Watts còn gặp rất nhiều thử thách trong việc ngăn chặn Sams và Blackmore chuyển sang làm thuê cho các thuyền buôn ngoại quốc buôn bán giữa Đàng Ngoài và các cảng Đông Nam Á, nhằm buộc họ về Công ty để cung khai những việc làm sai trái và tham ô công quỹ trong thời gian lưu trú tại Kẻ Chợ.

Giám đốc Watts đồng thời bị chính James Howell - thuyền trưởng tàu *Pearl* - thử thách: đòi tiền lương cả năm cho thủy thủ đoàn trong bối cảnh ngân sách thương điểm kiệt quệ và thậm chí đình công trước thời điểm tàu *Pearl* dự định nhổ neo rời Đàng Ngoài. Watts cho rằng thuyền trưởng Howell là người phải chịu trách nhiệm chính trong việc tàu *Pearl* không thể rời Đàng Ngoài vào mùa đông 1693/1694, gây ra thiệt hại lớn cho Công ty và bản thân thương điểm Kẻ Chợ. Một năm sau, giám đốc Watts lại kết tội thuyền trưởng Howell đã sử dụng những âm mưu "thâm độc" và "hèn hạ" để ngăn chặn tàu *Pearl* rời Đàng

Ngoài trong mùa đông 1694/1695. May mắn cho thương điểm Anh là thuyền trưởng Howell- bỏ lại đằng sau những mâu thuẫn với giám đốc Watts - vẫn cho tàu *Pearl* đi Ấn Độ tháng 1 năm 1695 (26).

Tình trạng kiệt quệ tài chính kéo dài của thương điểm Anh là hậu quả trực tiếp từ những mâu thuẫn nội bộ nói trên. Hội đồng Pháo đài St. George - tin tưởng vào con số tính toán của Ban Giám đốc ở Luân Đôn về số vốn tồn đọng 30.000 bảng Anh ở thương điểm Kẻ Chợ - nên chỉ cấp cho tân giám đốc Watts một số vốn rất nhỏ khi cùng tàu *Pearl* sang Đàng Ngoài vào mùa hè năm 1693. Bởi vậy, khi Keeling từ chối bàn giao sổ sách và vốn kinh doanh còn tồn đọng cho Watts, vị tân giám đốc ngay lập tức đối mặt với tình trạng không còn ngân quỹ. Vấn đề tài chính trở nên đặc biệt nghiêm trọng khi tàu *Pearl* buộc phải lưu trú ở Đàng Ngoài một năm vì nhỡ gió bắc, đồng nghĩa với việc thương điểm Kẻ Chợ phải cung cấp tiền lương và lương thực, thực phẩm cho thủy thủ đoàn, chưa kể đến những chi phí bất thường khác luôn xảy đến khi vài chục con người lưu trú suốt một năm dài ở vùng cửa sông (27).

Theo nhật ký thương điểm Anh ở Kẻ Chợ, từ cuối năm 1694, thương điểm bắt đầu thiếu tiền; các hàng hóa có thể bán được (chủ yếu là vải đưa từ Luân Đôn sang) cũng đã cạn. Để tồn tại và cung ứng cho thủy thủ đoàn của tàu *Pearl*, người Anh bắt đầu vay nặng lãi. Trước khi vay lãi từ thường dân Đàng Ngoài, thương điểm thỉnh cầu Chúa Trịnh Căn cho vay 60.000 quan tiền (sau rút xuống còn 30.000 quan) để chi tiêu cho đến khi tàu của Công ty sang Đàng Ngoài. Kế hoạch không thành công dù thương điểm đã hối lộ một *Duckba* (Đức Bà) để nhờ chuyển đơn đến tận tay Chúa. Chúa nghi ngại bởi hai nguyên do

chính: mùa hè năm đó không có tàu Anh nào đến Đàng Ngoài và tình trạng mâu thuẫn nội bộ trầm trọng giữa đám người Anh ở Kẻ Chợ. Thất bại trên buộc giám đốc Watts quay sang vay nợ lãi (28). Tính đến tháng 12 năm 1696, thương điểm Anh ở Kẻ Chợ đã vay lãi tổng cộng 1.400 lạng bạc, cả từ người Đàng Ngoài và từ thương nhân tự do người Hà Lan, ở mức lãi suất trung bình 2,5%/tháng (29). Tháng 5 năm 1697, thương điểm Anh thậm chí phải vay nóng 200 lạng bạc ở mức lãi suất 4%/tháng từ viên quan *Ungia Thaw* (30).

Ở Luân Đôn, bản thân Ban Giám đốc ngày càng nhận ra thất bại đầy cay đắng trong việc duy trì thương điểm Kẻ Chợ. Vào thời điểm Pháo đài St. George phái Richard Watts sang thanh tra và điều hành hoạt động kinh doanh ở Đàng Ngoài (mùa hè 1693), các giám đốc đã hoàn toàn nhận ra một thực tế buồn: nhân viên thương điểm Kẻ Chợ đã qua mặt họ trong nhiều năm qua và hoạt động kinh doanh ở Đàng Ngoài - tương tự như tình trạng ở Xiêm thập niên trước đó - đơn thuần phục vụ lợi ích của một nhóm nhân viên. Vì vậy, trước khi nhận được báo cáo và kiến nghị chính thức từ đoàn thanh tra của Watts về tình hình hiện tại cũng như triển vọng của nền mậu dịch với Đàng Ngoài, Ban Giám đốc ở Luân Đôn đã tức tốc quyết định triệt bỏ thương điểm Kẻ Chợ. Trong công văn gửi Pháo đài St. George vào tháng 1 năm 1694, Ban Giám đốc thúc giục người Anh ở Madras "*sử dụng mọi khả năng hiện có để thu hồi về cho Công ty toàn bộ tài sản và vốn liếng còn lưu cữu ở thương điểm Đàng Ngoài*" (31). Một năm sau - dù vẫn chưa nhận được kiến nghị từ phương Đông - Ban Giám đốc đã hoàn toàn mất hết kiên nhẫn với thương điểm Kẻ Chợ. Trong công văn gửi thuộc cấp của mình ở Pháo đài St. George đề ngày 6 tháng 3 năm 1695, các giám đốc quả quyết:

"Công ty nhận thấy nền mậu dịch trực tiếp từ Anh sang Trung Quốc và ngược lại có lãi nhiều hơn việc buôn bán với Đàng Ngoài, nhất là khi xét đến chi phí đường dài và hạn chế khả năng liên lạc ngoài việc cắt cử tàu thuyền qua lại. Thế nhưng các chuyến hàng [Đàng Ngoài] đưa về hiếm khi sử dụng quá 1/2 tải trọng trừ khi cố nhồi nhét lên tàu những đồ sơn mài rẻ tiền, công kênh trong khi tiền lãi chẳng bù được 1/2 chi phí vận chuyển. Vì vậy, Ban Giám đốc đề nghị Pháo đài St. George tìm cách đóng cửa thương điểm Kẻ Chợ ngay lập tức nhằm chấm dứt càng sớm càng tốt sự phung phí tiền bạc của Công ty ở Đàng Ngoài. Nếu có thể thì nên cố gắng bán những tòa nhà trong thương điểm cho người Đàng Ngoài, nhược bằng không thì thả vớt bỏ chúng đi còn hơn cố gắng đeo bám ở xứ đó thêm một ngày nào nữa" (32).

Rõ ràng là, vào thời điểm công văn của Ban Giám đốc sang đến Ấn Độ, Pháo đài St. George đã nắm rõ được tình trạng bi đát của thương điểm Kẻ Chợ qua thông tin tàu *Pearl* đem về. Sau khi rời Đàng Ngoài vào tháng 1 năm 1695, tàu *Pearl* trải qua một chuyến đi bão táp về Madras: thân tàu bị rò rỉ và những đợt gió ngược trên biển khiến tàu *Pearl* bị hư hỏng nặng và dạt vào Johor - nơi hàng hóa và thủy thủ đoàn được giải cứu lên bờ. Khi chiếc thuyền mảnh buôn bán từ Johor sang Madras mang theo tin tức về tàu *Pearl* vào mùa hè năm 1695, Pháo đài St. George đã phái tàu sang Johor để giải cứu thủy thủ đoàn và hàng hóa. Đến thời điểm này, cả Pháo đài St. George và Luân Đôn đều đã thống nhất chủ trương đóng cửa thương điểm duy nhất ở Đàng Ngoài. Tuy nhiên, do không trưng dụng được tàu để sang Đàng Ngoài thu hồi thương điểm vào mùa hè năm 1696, Pháo đài St. George đành phải sử dụng kênh liên

lạc gián tiếp với thương điểm Kẻ Chợ: gửi chỉ thị đóng cửa thương điểm Kẻ Chợ qua tàu *Elizabeth* đến buôn bán ở Quảng Châu (Trung Quốc) để nhân viên ở Kẻ Chợ chuẩn bị sẵn sàng trước khi tàu đến Đàng Ngoài vào mùa hè năm 1697 (33).

Tháng 1 năm 1697, một vị giáo sĩ Pháp mới đến Đàng Ngoài đã thông báo cho giám đốc Watts thông tin ông ta nghe được về kế hoạch đóng cửa thương điểm Kẻ Chợ của Công ty Đông Ấn Anh. Một tháng sau, chỉ thị đóng cửa thương điểm Kẻ Chợ của Pháo đài St. George được một người Hoa đem từ Quảng Châu (Trung Quốc) sang Kẻ Chợ theo đường bộ. Tháng 7, tàu *Marry Bouyer* đến Đàng Ngoài để thu hồi tài sản và nhân viên về Madras. Thư của Chủ tịch Pháo đài St. George gửi Chúa và Thế tử than phiền rằng cuộc chiến tranh khốc liệt với người Pháp ở châu Âu đã khiến Công ty thiếu hụt tàu thuyền và thủy thủ nghiêm trọng nên phải "tạm thời đóng cửa thương điểm Kẻ Chợ một thời gian". Vị Chủ tịch cũng thả vào trong thư vài lời hứa rằng Công ty sẽ cân nhắc khả năng quay lại Đàng Ngoài buôn bán nếu tình hình trở nên sáng sủa hơn trong những năm tới (34). Trong số vốn trị giá 7.849 pagoda (35) Pháo đài St. George gửi sang Đàng Ngoài năm đó, thương điểm Kẻ Chợ đã phải dành ra một khoản trị giá 2.000 lạng bạc để thanh toán số nợ đã vay, số tiền còn lại dùng để thu mua một số sản phẩm mà Pháo đài St. George yêu cầu. Sau khi nhận thấy không thể vãn hồi những món nợ mà quan lại và thương nhân Đàng Ngoài còn chưa thanh toán, toàn bộ nhân viên thương điểm Anh rời Kẻ Chợ vào ngày 24 tháng 11 năm 1697. Năm ngày sau, tàu *Marry Bouyer* nhổ neo rời Đàng Ngoài, chấm dứt 25 năm quan hệ thương mại và bang giao chính thức giữa Công ty Đông Ấn Anh và triều đình Lê-Trịnh (36).

Kết luận

Đến cuối thập niên 1680, mặc cho những thất bại liên tiếp của Công ty ở Đông Á (thương điểm Bantam sụp đổ năm 1682; thương điểm Đài Loan kết thúc năm 1685, chiến tranh với Xiêm nổ ra năm 1687...) thương điểm Kẻ Chợ vẫn nhận được sự ưu ái đặc biệt và sự hậu thuẫn cao độ từ Ban Giám đốc Công ty ở Luân Đôn. Trong tầm nhìn chiến lược của Công ty, Đàng Ngoài có thể trở thành bàn đạp để thâm nhập thị trường Trung Quốc lục địa. Vì vậy, mặc cho Pháo đài St. George nhiều lần đề nghị triệt tiêu thương điểm duy nhất ở Kẻ Chợ, Luân Đôn vẫn kiên trì ủng hộ sự tồn tại của nền mậu dịch với Đàng Ngoài. Tuy nhiên, viên giám đốc thương điểm Kẻ Chợ William Keeling và một số nhân viên đã lợi dụng sự ủng hộ của Luân Đôn để buôn bán riêng, gây ra tình trạng thua lỗ, tham ô công quỹ và mâu thuẫn nội bộ...

Vụ áp phe thương mại của người Anh ở Kẻ Chợ năm 1693 không chỉ gây ra những tổn thất cho Công ty mà còn dẫn đến những hậu quả tương đối nghiêm trọng với nền ngoại thương của vương quốc Đàng Ngoài. Mặc dù những phân tích đã cho thấy vụ áp phe thương mại của người Anh dường như chỉ là nguyên cớ chứ không phải là nguyên nhân sâu xa dẫn đến chính sách "cấm biển" của triều đình, Chúa Trịnh Căn

đã sử dụng vụ áp phe thương mại của người Anh như một nguyên cớ hợp thời để thắt chặt hơn sự quản lý của triều đình đối với nền ngoại thương của Đàng Ngoài vốn đã và đang trên đà sa sút nghiêm trọng. Bất luận sự thật nào đằng sau chính sách "cấm biển" của triều đình Lê-Trịnh năm 1693, có một sự thật là thái độ hà khắc của triều đình đối với thương nhân ngoại quốc, thương nhân Hà Lan và Anh nói riêng, đã góp phần thôi thúc họ rời bỏ Đàng Ngoài sau nhiều thập niên gấn bó buôn bán.

Trên phương diện hải thương quốc tế ở khu vực Đông Á từ cuối thế kỷ XVII-dầu thế kỷ XVIII, Trung Quốc trở thành thị trường lý tưởng của thương nhân phương Tây, nhất là sau khi nhà Thanh bãi bỏ lệnh đóng cửa đất nước và cho phép Hoa thương đi ra buôn bán kể từ sau năm 1684. Các thương phẩm nổi tiếng của Trung Quốc như gốm sứ, tơ lụa và nhất là chè tràn ngập thị trường khiến cho các sản phẩm tơ lụa và gốm sứ Đàng Ngoài không còn chỗ đứng trên thị trường quốc tế nữa. Trong bối cảnh đó, triều đình Lê-Trịnh lại có xu hướng thắt chặt ngoại thương khiến cho cơ hội dự nhập sâu và toàn diện với nền kinh tế khu vực và quốc tế (hay sự dự nhập vào quá trình Toàn cầu hóa giai đoạn cận đại sơ kỳ) - vốn đã diễn ra trong phần lớn thế kỷ XVII - bị bỏ lỡ một cách đáng tiếc.

CHÚ THÍCH

* Ghi chú về tư liệu trong phần Chú thích: Những tư liệu sử dụng trong bài viết bắt đầu bằng E-3 và G/12/17 là tư liệu lưu trữ của Công ty Đông Ấn Anh liên quan đến Đàng Ngoài, hiện đang được lưu trữ tại Thư viện Quốc gia Anh (Luân Đôn); những tư liệu bắt đầu bằng VOC là tư liệu lưu trữ của Công ty Đông Ấn Hà Lan liên quan đến Đàng

Ngài hiện đang được cất giữ tại Lưu trữ Quốc gia Hà Lan (La Haye).

(1). Công ty Đông Ấn Anh (English East India Company, viết tắt là EIC), được thành lập năm 1600 tại Luân Đôn. Công ty được Nữ hoàng Anh Elizabeth ban cho độc quyền buôn bán ở Phương Đông (châu Á và Thái Bình Dương). Tại trụ sở Luân

Đôn, Công ty được điều hành bởi Ban Giám đốc gồm 24 vị. Ở phương Đông, Công ty duy trì một hệ thống các thương điểm buôn bán trải dài từ Ấn Độ sang vùng Viễn Đông. Về tổ chức và hoạt động của Công ty Đông Ấn Anh, xin xem thêm từ: K. N. Chaudhuri, *The Trading World of Asia and the English East India Company, 1660-1760* (Cambridge: Cambridge University Press, 1978); D. K. Basett, "The Trade of the English East India Company in the Far East, 1623-1684", *Journal of the Royal Asiatic Society*, 1-4, 1960, pp. 32-47 & 145-157.

(2). Người Anh bị buộc phải đóng thương điểm ở Phố Hiến từ năm 1672 đến năm 1683, sau đó mới được phép chuyển lên Kẻ Chợ. Tuy nhiên, từ khi được lưu trú và kinh doanh chính thức trên kinh đô, nền mậu dịch của người Anh với Đàng Ngoài không còn được Công ty quan tâm giám sát nữa. Năm 1697, người Anh rời bỏ Đàng Ngoài. Về hoạt động của Công ty Đông Ấn Anh ở Đàng Ngoài cuối thập niên 1660-dầu thập niên 1670, xin xem từ: A. Farrington, "English East India Company Documents Relating Pho Hien and Tonkin", in: *Pho Hien - The Centre of International Commerce in the 17th-18th Centuries* (Hanoi: The Gioi Publishers, 1994), pp. 148-161. Hoàng Anh Tuấn, "Kế hoạch Đông Á và thất bại của Công ty Đông Ấn Anh ở Đàng Ngoài thập niên 70 thế kỷ XVII", *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử*, Hà Nội, 9-2005, tr. 28-39.

(3). Hoang Anh Tuan, "From Japan to Manila and Back to Europe: The English Abortive Trade with Tonkin in the 1670s", *Itinerario: International Journal on the History of European Expansion and Global Interaction*, the Netherlands, vol. XXIX, no. 3/2005, pp. 73-92.

(4). E-3-91, London to Fort St. George, 9 June 1686, fo. 70r.

(5). E-3-91, London to Fort St. George, 9 June 1686, fo. 70r.

(6). E-3-91, London to Tonkin, 9 November 1687, fo. 225v.

(7). E-3-91, London to Tonkin, 24 May 1690, fo. 50r.

(8). Về hoạt động của Công ty Đông Ấn Anh tại Xiêm trong thập niên 1680, xin xem: Dhiravat na Pombejra, "The English East India Company in Seventeenth Century Ayutthaya: Trading Networks and Local Contexts", in Anthony Farrington and Dhiravat na Pombejra, *The English Factory in Siam, 1612-1685* (London: The British Library, 2007), pp. 1-21. Xem thêm từ D.G.E Hall, *A History of Southeast Asia* (London: Macmillan, 1970), pp. 357-374; Basett, "The Trade of the English East India Company".

(9). E-3-91, London to Tonkin, 29 February 1692, fos. 102v-103r. Chiến tranh Anh-Pháp nằm trong cuộc chiến tranh 9 năm (1688-1697) giữa Pháp và liên minh do Anh cầm đầu.

(10). E-3-91, London to Tonkin, 29 February 1692, fos. 102v-103r.

(11). *Rial of eight* (hoặc *real van achten* trong tiếng Hà Lan): đồng tiền bạc Tây Ban Nha, đúc tại Peru, Mexico, và Sevilla, trị giá 48 stuivers (trước năm 1662) và 60 stuivers (sau năm 1662).

(12). G/12/17-9, Tonkin Factory Record, May-June 1693, fos. 318r-321r.

(13). G/12/17-9, Tonkin Factory Record, May-June 1693, fos. 318r-321r.

(14). G/12/17-9, Tonkin Factory Record, May-June 1693, fos. 321v-322v.

(15). G/12/17-9, Tonkin Factory Record, May-June 1693, fos. 323v-324r.

(16). G/12/17-9, Tonkin Factory Record, 24 June-17 July 1693, fos. 321v-322v.

(17). G/12/17-9, Tonkin Factory Record, May-December 1693, fos. 318r-341r.

(18). G/12/17-9, Tonkin Factory Record, 25 November 1693, fos. 395v-396r.

(19). G/12/17-9, Tonkin Factory Record, 25 November 1693, fos. 395v-396r.

(20). G/12/17-9, Tonkin Factory Record, 24 December 1693, fo. 340r.

(21). G/12/17-9, Tonkin Factory Record, 24 December 1694, fo. 417r. Một sự trùng lặp ngẫu nhiên là mùa đông năm 1693 tàu *Westbroek* của Công ty Đông Ấn Hà Lan ở Đàng Ngoài cũng không thể nhổ neo để về Batavia do bị trễ gió mùa đông bắc. Sự kiện này cùng với việc trước đó giám đốc thương điểm Hà Lan tại Kẻ Chợ là Jacob van Loo và thuyền trưởng tàu *Westbroek* bị Phủ Chúa bắt giam khiến người Hà Lan bị thiệt hại nặng không chỉ về tài chính mà cả về danh dự. Về những rắc rối của người Hà Lan ở Kẻ Chợ năm 1693/1694, xin xem thêm từ: VOC 8365, Missive from Jacob van Loo and the Council to Batavia, 23 Nov. 1693, fos. 1-3.

(22). Hoang Anh Tuan, *Silk for Silver: Dutch-Vietnamese Relations, 1637-1700* (Leiden-Boston: Brill, 2007), pp. 103-123.

(23). Hoang Anh Tuan, *Silk for Silver*, pp. 121-123.

(24). G/12/17-9, Tonkin Factory Record, 10 November 1695, fo. 434v.

(25). G/12/17-9, Tonkin's General letter to Fort. St. George, 21 December 1695, fos. 440r-442r.

(26). Mâu thuẫn sâu sắc và kéo dài giữa thuyền trưởng Howell và giám đốc Watts được ghi chép

hết sức chi tiết và sinh động trong Nhật ký Thương điểm Anh tại Kẻ Chợ, tháng 12-1695.

(27). G/12/17-9, Tonkin Factory Record, December 1693–January 1695, fos. 335r-425v.

(28). G/12/17-9, Tonkin Factory Record, December 1694–December 1695, fos. 427v-438v.

(29). G/12/17-9, Tonkin to Madras, 24 November 1696, fo. 459v.

(30). G/12/17-9, Tonkin Factory Record, 16 May 1697, fo. 473v.

(31). E-3-91, London to Fort St. George, 3 January 1694, fo. 154v.

(32). E-3-92, London to Fort St. George, 6 March 1695, fo. 193v.

(33). G/12/17-9, Tonkin Factory Record, 10 February 1697, fos. 466v-469r (General of Fort St. George to Tonkin, 30 May 1696).

(34). G/12/17-9, Tonkin Factory Record, 10 February 1697 (Letters of Fort St. George to the King and Prince of Tonkin, 30 May 1696), fos. 469r-470v.

(35). *Pagoda* (hoặc *Pagode*): đơn vị tiền tệ lưu hành khá rộng rãi ở Ấn Độ, đặc biệt là vùng Coromandel, với những hệ giá trị rất khác nhau. Bản thân Công ty Đông Ấn Anh cũng cho đúc loại tiền *Pagoda* ở Madras, giá trị cao nhất (loại tiền *star pagoda*) tương đương với 8 *shilling* (tương đương 96 pence hoặc 0,96 bảng Anh).

(36). G/12/17-9, Tonkin Factory Record, 27 July-30 November 1697, fos. 480-501.